

Bản án số:07/2018/DSST

Ngày:19/7/2018

V/v: Kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Giảng Trường

2. Ông Nguyễn Tài Hòa

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 21/TLST-DS, ngày 12/6/2018 về việc “Đòi lại tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-DS, ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị M - Sinh năm 1982 - Có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Chu Văn T - Sinh năm 1992 - Xin xét xử vắng mặt

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Chị M trình bày: Do giữa chị và anh T có quen biết nhau nên vào năm 2014 chị có cho anh T vay 02 lần tiền, với tổng số tiền cho vay là 80.000.000đ. Cụ thể: Lần 01 vào ngày 10/10/2014 chị cho anh T vay 30.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Lần 02 vào ngày 05/11/2014 chị tiếp tục cho anh T vay 50.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Cả hai lần vay, tính đến hết năm 2016 anh T đã trả cho chị được 7.700.000đ tiền lãi. Từ đó đến nay anh T không trả chị tiền gốc và tiền lãi cho cả hai khoản vay.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả chị toàn bộ tiền gốc mà anh T đã vay là 80.000.000đ, chị không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn- Anh T trình bày: Anh thừa nhận vào năm 2014 anh có vay chị M hai lần với tổng số tiền vay là 80.000.000đ lấy tiền chi tiêu riêng, không liên quan gì đến vợ con. Cụ thể: Lần 01 vào ngày 10/10/2014 anh vay của chị M 30.000.000đ, thời hạn vay là 01

tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Lần 02 vào ngày 05/11/2014 anh tiếp tục vay của chị M 20.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Nhưng giấy vay tiền được lập có chữ ký của anh lại ghi là 50.000.000đ. Số tiền ghi trong giấy vay nợ này bao gồm cả tiền vay ngày 10/10/2014 và ngày 05/11/2014.

Nay chị M yêu cầu anh phải trả số tiền còn nợ là 80.000.000đ, anh không chấp nhận. Anh thừa nhận chỉ nợ chị M 50.000.000đ và chấp nhận trả chị M số tiền này. Anh không yêu cầu xem xét lại tiền lãi suất hai bên thỏa thuận và anh đã trả cho chị M.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kết thúc phân tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, vị đại diện VKSND đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M. Buộc anh T phải trả cho chị M số tiền 80.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vào năm 2014 chị M đã cho anh T vay 02 lần tiền vào các ngày 10/10/2014 và ngày 05/11/2014 (đều là ngày, tháng, năm âm lịch). Mỗi lần cho vay, nhận tiền các bên có lập thành văn bản và ký xác nhận của các bên, ghi rõ thời hạn vay, số tiền vay và lãi suất do hai bên thỏa thuận. Nội dung này được hai bên đương sự thừa nhận là chính xác.

Tuy nhiên, theo chị M khởi kiện và trình bày thì hai lần vay với tổng số tiền ghi trong 02 giấy vay là 80.000.000đ. Còn anh T cho rằng lần 01 anh vay 30.000.000đ, lần 02 vay 20.000.000đ nhưng ghi là 50.000.000đ, số tiền này bao gồm cả khoản tiền vay của ngày 10/10/2014. Ngoài lời khai, anh T không có tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của anh.

Xem xét hai tài liệu là giấy vay tiền đề các ngày 10/10/2014 và ngày 05/11/2014 đã được các bên thừa nhận về nội dung và chữ ký đúng là của các bên ký và viết ra thì thấy: Tại giấy biên nhận ngày 10/10/2014 anh T đã nhận của chị M 30.000.000đ (nội dung này anh T đã thừa nhận nên không phải chứng minh), giấy vay tiền đề ngày 05/11/2014 có nội dung thể hiện chị M cho anh T vay 50.000.000đ, không có nội dung nào thể hiện số tiền này bao gồm cả tiền vay của ngày 10/10/2014 viết gộp vào.

Như vậy, lời trình bày của anh T là không có căn cứ, yêu cầu khởi kiện của chị M là có cơ sở được chấp nhận.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 164, 166, 357, 466, 468, 469, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M. Buộc anh Chu Văn T phải trả cho chị Trương Thị M 80.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc anh Chu Văn T phải chịu 4.000.000đ tiền án phí DSST. Trả lại chị M 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003790 ngày 08/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa